

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 31/7/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- TÂY NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Ân
- Ông Nguyễn Văn Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Phương Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Gi, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp 3, xã Th, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Châu Thị Ph, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 3, xã Th, tỉnh T.

(Bà Gi, bà Ph có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 18/4/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Gi trình bày:

Bà và bà Châu Thị Ph có mối quan hệ quen biết từ trước do ở cùng xóm, thỉnh thoảng kết tiền bà Ph cũng có hỏi mượn tiền của bà nhiều lần. Cụ thể: Ngày 24/7/2023, bà có cho bà Ph vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 23/02/2024 bà Ph vay thêm số tiền 20.000.000 đồng và ngày 20/9/2024 bà Ph tiếp tục vay 121.000.000 đồng, tổng cộng 03 lần là 171.000.000 đồng. Các lần vay tiền bà Ph đều nói dùng cho mục đích cá nhân của bà Ph, không liên quan đến chồng bà Ph nhưng do bà Ph cũng có tham gia nhiều dây hụi chỗ bà, cũng có uy tín nên mỗi lần bà Ph kết tiền thì bà đều

giúp đỡ mà không lấy lãi, cũng không có thời hạn mà chỉ nói khi nào cần thì báo trước 01 tháng cho bà Ph biết. Theo đó, các lần vay tiền đều có làm giấy nợ do bà viết và giao tiền tại nhà bà Ph, bà Ph coi lại rồi ký tên giao cho bà giữ giấy, khi nào bà Ph trả thì xé bỏ giấy. Sở dĩ các lần vay trước chưa trả nhưng bà vẫn cho bà Ph vay tiếp vì bà Ph nói đang kêu bán đất để trả nợ cho bà nên bà tin tưởng. Sau đó, nhiều lần bà yêu cầu trả nợ nhưng bà Ph không trả nên tháng 3 năm 2025 bà có khởi kiện bà Ph, lúc này bà Ph nói chưa có điều kiện trả nên bà rút đơn. Qua một thời gian, nhận thấy bà Ph không có thiện chí trả nợ, bà đã nhắc nhiều lần và đã làm giấy thông báo nợ nhưng bà Ph không thực hiện nên đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà.

Do đó, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Châu Thị Ph phải thanh toán cho bà số tiền nợ vay là 171.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Châu Thị Ph trình bày:

Bị đơn thừa nhận có 03 lần vay tiền của bà Gi với tổng số tiền là 121.000.000 đồng. Cụ thể, ngày 24/7/2023 bà vay 30.000.000 đồng, ngày 23/02/2024 bà vay thêm 20.000.000 đồng và ngày 20/9/2024 thì chỉ vay thêm 71.000.000 đồng. Tuy nhiên, vào lần vay thứ 3 theo Giấy nợ ngày 20/9/2024 thì bà xác định chỉ vay bà Gi 71.000.000 đồng nhưng do bà Gi kêu cộng 50.000.000 đồng tiền nợ trước đó (nợ ngày 24/7/2023 và ngày 23/02/2024) vào mới thành 121.000.000 đồng và ghi trong giấy nợ là 121.000.000 đồng. Bà Gi có hứa sẽ xé bỏ hai giấy nợ cũ nên bà đồng ý ký tên vào giấy nợ thứ 3 với số tiền là 121.000.000 đồng. Tất cả những lần vay, bà Gi đều có làm giấy nợ và bà có ký nhận, bà vay tiền để tiêu dùng cá nhân, việc bà vay tiền của bà Gi thì chồng bà không biết, không liên quan đến chồng bà. Các khoản vay đều có lãi, bà có đóng lãi nhưng không nhớ bao nhiêu, bà cũng không yêu cầu trừ lại tiền lãi.

Khi bà Gi khởi kiện thì bà mới biết bà Gi vẫn còn giữ giấy nợ ngày 24/7/2023 và ngày 23/02/2024, đồng thời sử dụng cả 03 giấy nợ này để khởi kiện bà là không đúng. Như vậy, tổng cộng tiền nợ vay bà còn thiếu bà Gi là 121.000.000 đồng chứ không phải 171.000.000 đồng như bà Gi trình bày. Ngoài ra, bà không còn nợ bà Gi khoản tiền nợ vay nào khác. Hiện nay, bà không có đi làm được, đang giữ cháu ngoại nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ 121.000.000 đồng. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của bà Gi yêu cầu bà hoàn trả một lần số tiền 171.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Các đương sự cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là đúng thẩm quyền. Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Ngày 24/7/2023, bà Ph có vay 20.000.000 đồng của bà Gi ; đến ngày 23/02/2024 tiếp tục vay 20.000.000 đồng và ngày 20/9/2024 tiếp tục vay 121.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có làm “Giấy vay tiền”, hợp đồng thể hiện đầy đủ thông tin của bên vay, bên cho vay, thời gian cho vay và cả hai cùng ký tên vào. Bà Gi cung cấp chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 24/7/2023, ngày 23/02/2024 và ngày 20/9/2024 trên đó thể hiện rõ ràng nội dung, được bà Ph xác nhận và ký tên vào. Do đó, có cơ sở để xác định giữa bà Gi và bà Ph đã xác lập hợp đồng vay tài sản, không thời hạn, không lãi suất. Việc bà Ph cho rằng chỉ nợ bà Gi 121.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 20/9/2024, do sơ xuất nên không xé bỏ giấy nợ ngày 24/7/2023 và ngày 23/02/2024. Như vậy, tổng cộng tiền nợ vay bà còn thiếu bà Gi là 121.000.000 đồng, ngoài ra không còn nợ nào khác. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh sự việc trên, do đó không có cơ sở chấp nhận. Xét thấy, việc vay mượn tiền được thể hiện qua giấy nợ, bị đơn thừa nhận có ký tên, hợp đồng được xác lập tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có tính pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Thực hiện theo thỏa thuận, bà Gi đã giao đủ tiền cho bà Ph, đến nay đã quá hạn thanh toán, đã nhiều lần bà Gi nhắc nhở và đã làm giấy thông báo nợ nhưng bà Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Gi . Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 171.000.000 đồng còn nợ có căn cứ. Đối với phần lãi suất, phía nguyên đơn yêu cầu không tính lãi, nên không xem xét đến. Từ những phân tích trên căn cứ các Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Gi .

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Ngọc Gi khởi kiện bà Châu Thị Ph yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ tại Ấp 3, xã Th, tỉnh T. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tố tụng được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh.

[1.2] Về phạm vi xét xử: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn, ngoài ra không có tranh chấp nào khác và cũng không có tranh chấp với người nào khác. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành gửi cho bị đơn bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ và Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ để bị đơn biết và thực hiện. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được yêu cầu khởi kiện (phản tố) của bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa các đương sự cũng xác định không còn tài liệu chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án ở giai đoạn sơ thẩm và vấn đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn không được xem xét đến.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hình thức và nội dung “Giấy nợ ngày 24/7/2023, “Giấy nợ ngày 23/02/2024 và “Giấy nợ ngày 20/9/2024”: Xét các giấy nợ nêu trên đều có chữ ký “Ph” và chữ viết ghi tên “*Châu Thị Ph*” được bà Ph thừa nhận là do bà Ph ký và viết ra, số tiền vay lần lượt là 30.000.000đồng, 20.000.000đồng và 121.000.000đồng, tất cả đều không xác định thời hạn và mức lãi suất vay. Như vậy, có cơ sở xác định giữa bà Gi và bà Ph có xác lập quan hệ vay tài sản với số tiền vay tổng cộng là 171.000.000 đồng, không kỳ hạn và không lãi suất theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thỏa thuận và ký kết giao dịch là tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên xác định hợp đồng là hợp pháp và làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết. Thực hiện hợp đồng, bà Gi đã giao đủ số tiền 171.000.000đồng cho bà Ph nhận tương ứng với các thời gian vay tiền, bà Gi cho rằng hiện nay bà Ph vẫn còn nợ bà số tiền này nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Gi hoàn trả toàn bộ nợ gốc vay là 171.000.000 đồng.

[2.2] Xét lời trình bày của bà Ph: Bà Ph cho rằng mặc dù chữ viết và chữ ký trong các giấy mượn tiền trên là của bà Ph nhưng về số tiền vay thì bà không thống nhất với lời trình bày của bà Gi. Bởi lẽ, ngày 24/7/2023 bà vay 30.000.000 đồng, ngày 23/02/2024 vay 20.000.000 đồng, đến ngày 20/9/2024 chỉ vay thêm 71.000.000 đồng, tổng cộng 03 lần vay chỉ có 121.000.000 đồng. Tuy nhiên, lần vay thứ 3 bà Gi yêu cầu bà ký giấy chốt nợ cho cả hai lần trước để tiện theo dõi, tin tưởng bà Gi sẽ bỏ giấy nợ ngày 24/7/2023 và ngày 23/02/2024 nên bà đồng ý ký tên trên giấy nợ lần 3 với số tiền là 121.000.000 đồng. Nay bà Gi sử dụng của cả 03 giấy nợ này để kiện bà với tổng nợ là 171.000.000đồng thì bà không đồng ý vì thực chất bà chỉ vay bà Gi 121.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời trình bày của bà Ph không được bà Gi thừa nhận và cũng không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, xét giấy nợ ngày 20/9/2024 không có bút tích nào thể hiện là có sự cộng dồn các khoản nợ trước đó như bà Ph trình bày, bà Ph cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Gi về việc yêu cầu bà Châu Thị Ph thanh toán tiền gốc vay, thấy rằng: Như phân tích trên, tổng số tiền gốc vay mà bà Ph đã nhận từ bà Gi là 171.000.000đồng, bà Gi đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay nhưng bà Ph lại không thanh toán tiền gốc vay khi đến hạn là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay và gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Gi. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của bà Gi về việc yêu cầu bên vay hoàn trả tiền gốc 171.000.000đồng là có căn cứ. Về lãi suất, căn cứ giấy nợ không thể hiện vay có lãi, bà Gi cũng không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc vay là 171.000.000đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Châu Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.550.000 đồng; bà Nguyễn Ngọc Gi không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.275.000 đồng.

[2.5] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Gi đối với bị đơn bà Châu Thị Ph về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1 Buộc bà Châu Thị Ph có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc Gi số tiền nợ gốc phát sinh từ hợp đồng vay tài sản là 171.000.000 đồng (một trăm bảy mươi một triệu đồng).

1.2 Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Tổng cộng là 8.550.000 đồng (tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) do bà Châu Thị Ph phải chịu toàn bộ.

2.2 Bà Nguyễn Ngọc Gi không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.275.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007770 ngày 14/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Tây Ninh).

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND.KV4-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy

